TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **79**/2025/DS - PT
Ngày: 16 – 4 - 2025
V/v "*Tranh chấp chia thừa kế và chia tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng****:* Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 14 tháng 4 năm 2025 và 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp chia thừa kế và chia tài sản chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 115/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1982; CMND số: 201492251; Địa chỉ: Số G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc T1, sinh năm 1976, CCCD số 049076016624 cấp ngày 22/6/2023; Địa chỉ: P Chung cư S L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng *(Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 11/7/2022 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng)*. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị Thúy M**, sinh năm 1966; CCCD số: 034166010980 cấp ngày 11/8/2021; Địa chỉ: Số G N, tổ C, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Hoàng Trần Ngọc A, sinh năm 1997; CCCD số: 062197007541 cấp ngày 26/8/2023 và bà Hoàng Thị Thúy Q, sinh năm 1997; CCCD số: 048197007983; Cùng địa chỉ liên hệ: I N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng *(Theo Hợp đồng uỷ quyền được lập ngày 18/11/2022 tại Văn phòng C1).* Bà Ngọc A có mặt, vắng mặt bà Thúy Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thị H, Thẻ Luật sư số: 14411/LS cấp ngày 23/6/2019 bởi L2 và Luật sư Phạm Thị T2, Thẻ Luật sư số: 19613/ LS cấp ngày 31/5/2023 bởi L2; Cùng là Luật sư thuộc Công ty L3; Cùng địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà T, số H N, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng *(Theo Văn bản Đề nghị hỗ trợ pháp lý được lập ngày 06/12/2024 của bà Đỗ Thị Thúy M và Giấy đăng ký hỗ trợ pháp lý của Công ty L3).* Luật sư T2 có mặt, vắng mặt Luật sư H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

- Chi **Nguyễn Thị Thanh T3**, sinh năm 2001; CCCD số: 048301004116 cấp ngày 11/8/2021. Có mặt

- Chị **Nguyễn Thị Phương T4**, sinh năm 2004; CCCD số: 048304003488 cấp ngày 11/8/2021. Có mặt

- Chị **Nguyễn Thị Tố U** sinh ngày 31/8/2006; CCCD số: 048306005294 cấp ngày 11/8/2021. Có mặt

- Chị **Nguyễn Thị Thảo V**, sinh ngày 08/02/2008; CCCD số: 048308001213 cấp ngày 12/9/2022. Có mặt

Người đại diện theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Thảo V là bà Đỗ Thị Thúy M (Bị đơn). Có mặt

Cùng địa chỉ: Số G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Nguyễn Đình M1**, sinh năm 1987 và bà **Lê Thị Diễm S** năm 1988; Cùng địa chỉ: K N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

4. Do có kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu T; kháng cáo của bị đơn – bà Đỗ Thị Thúy M và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Thanh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Phúc T1 trình bày:*

Ông Nguyễn Đình L và bà Phan Thị Đ là cha mẹ của bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1982. Sau khi ông L và bà Đ chia tay, đến năm 1999 ông L chung sống với

bà Đỗ Thị Thúy M và sinh được 4 người con là: Nguyễn Thị Thanh T3,sinh năm 2001; Nguyễn Thị Phương T4, sinh năm 2004; Nguyễn Thị Tố U, sinh năm 2006; Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 2008. Trước đây cha mẹ ông L là ông Nguyễn Đình Đ1 và bà Phan Thị S1 được nhà nước bố trí tái định cư lô đất số 02 khu b4.2 (*nay là thửa đất tại số G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng*).

Ngày 12/9/2002 Ban Q1, L - T và ông Đ1, bà S1 lập hợp đồng giao nhận quyền sử đụng đất số 286/HĐ-GD. Ngày 15/10/2005 ông Đ1, bà S1 đã làm đơn xin cam kết về việc chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất nêu trên cho ông Nguyễn Đình L và cô ruột bà T là bà Nguyễn Thị C. Trên cơ sở đó UBND quận T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 337681 ngày 30/11/2005 tại đường N, phường X, quận T, Tp Đà Nẵng đối với lô đất số 02 khu b4.2 tờ bản đồ số KT01/1 diện tích 125m^2, mục đích sử dụng: đất ở đô thị cho ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị C. Sau khi bà C qua đời thì ông L làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế là 1/2 quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên theo di chúc của bà Nguyễn Thị C để lại cho ông L, đã được phòng C2 chứng thực ngày 29/11/2012 và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng tại quận T chỉnh lý biến động sang tên thừa kế cho ông Nguyễn Đình L vào ngày 24/1/2014. Sau đó ông L đã xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị công nhận tài sản trên đất là căn nhà vào năm 2004.

Ngày 20/2/2014 Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 539861, địa chỉ: G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2 diện tích 125m^2, diện tích xây dựng 120m^2, diện tích sử dụng: 481,5m^2 cho ông Nguyễn Đình L. Ngoài nhà đất nêu trên ông L còn có căn nhà và quyền sử dụng đất với diện tích 504m^2 tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, do UBND huyện H cấp ngày 19/8/2005.

Ông L chết ngày 22/4/2016 không để lại di chúc. Cha ông L chết năm 2008 và mẹ chết năm 2014. Sau khi ông L qua đời thì toàn bộ nhà đất tại G N và quyền sử dụng đất với diện tích 504m^2 tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của ông L để lại chưa được phân chia.

Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét giải quyết chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L để lại là:

- Nhà và đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m^2 tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR539861 do Sở T cấp ngày 20.02.2014 cho ông Nguyễn Đình L.

- Nhà và đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 504m^2 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01138 do Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19.8.2005 cho ông Nguyễn Đình L.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến về việc bà M cho rằng hai di sản thừa kế mà ông L để lại là tài sản chung vợ chồng, bởi lẽ:

Đối với nhà và đất tại G N là tài sản riêng của ông L đã được xác định tại bản án phúc thẩm số 119/18.6.2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án này bà M cũng có ý kiến phản hồi xác định đây là tài sản riêng của ông L. Vì vậy vụ việc đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Ngôi nhà có cấu trúc nhà 4 tầng, tọa lạc trên lô đất 125m^2. Ngôi nhà này kinh doanh nhà nghỉ từ thời ông bà nội còn sống cho đến khi ông L chết. Khoảng năm 2017, 2018 thì ngôi nhà được sử dụng để cho thuê phòng trọ.

Đối với thửa đất số 105, đây là tài sản được ông L mua, lúc bấy giờ, ông L và bà M đã đăng ký kết hôn nhưng ông L cũng không để bà M đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ nên đề nghị Tòa án căn cứ vào giấy chứng nhận để xác định.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với phần diện tích đất mà ông L và bà Đỗ Thị Thúy M đã bán cho 04 hộ dân. Bà T chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại khoảng 224m^2 và xin nhận lô đất này để quản lý, sử dụng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản hòa giải và tại phiên toà, bị đơn – bà Đỗ Thị Thúy M và đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng thống nhất trình bày:*

Ngày 21/03/2000, bà M và ông Nguyễn Đình L kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/00.

Trong quá trình chung sống, ông bà có tạo dựng được các tài sản chung gồm:

- Nhà và đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2 tại G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng;

- Diện tích đất 504m^2, thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06 tại thôn H, xã H, huyện H, TP .

Đối với Nhà và đất tại 793 N: Năm 2005, ông bà nhận chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2 tại G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số BR 539861 do Sở T cấp ngày 20/02/2014. Ông bà thống nhất để ông L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp sau khi bỏ tiền ra để nhận chuyển tên quyền sử dụng đất từ cụ Nguyễn Đình Đ1, cụ Phạm Thị S2 và bà Nguyễn Thị C. Ngày 12/03/2014, ông bà ký Hợp đồng tín dụng số 10032014-041-CN với Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Đ2 - Phòng G1 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 539861 để vay hoàn vốn số tiền đã bỏ ra để nhận chuyển nhượng từ phần của bà C, đồng thời để đầu tư xây dựng thêm nhà nghỉ để kinh doanh. Sau đó ông bà đã cùng nhau trả cho ngân hàng cho đến năm 2015 ông L bị bệnh phải chạy chữa liên tục. Năm 2016 ông L qua đời, số nợ còn lại là 850.000.000 đồng một mình bà M xoay sở, gánh vác để trả toàn bộ số tiền này, chính thức giải chấp quyền sử dụng đất ngày 11/4/2017. Sau khi giải chấp xong, bà M đã phải sửa sang tại toàn bộ căn nhà, xây phòng thờ, mua sắm trang thiết bị để kinh doanh nhà nghỉ với tổng số tiền hơn 500.000.000 đồng. Do vậy, nhà đất tại G N là tài sản chung vợ chồng giữa bà M và ông Nguyễn Đình L.

Đối với Thửa đất số 105: Năm 2002, ông bà quyết định mua diện tích đất trồng lúa tại thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng của vợ chồng ông Nguyễn Kim G và bà Võ Thị M2. Giai đoạn này bà M còn chăm con nhỏ nên để ông L đứng tên người mua trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Theo đó, di sản của ông L để lại là giá trị 1/2 Nhà và đất tại 793 Nguyễn Tất T5 và 504m^2 đất thuộc thửa đất số 105, 1/2 tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà M. Nguyện vọng của bà M là nhận di sản bằng hiện vật và thối trả tiền lại cho những thừa kế còn lại bằng giá trị tiền theo quy định pháp luật. Tại bản án phúc thẩm, bà M trình bày nhằm mục đích giữ lại tài sản cho vợ chồng bà trước yêu cầu chia thừa kế của các anh chị em trong gia đình ông L chứ không có nghĩa đó là tài sản riêng của ông L.

Đối với thửa đất số 105, trong quá trình sử dụng đất, ông L đã ký giấy tờ viết tay để bán một số diện tích đất cho người khác để xoay tiền trả nợ. Do vậy những người này cũng có quyền và nghĩa vụ liên quan đối với các phần thuộc thửa đất số 105 đã mua, cụ thể như sau:

- Ngày 08/01/2002, ông Nguyễn Đình L đã viết Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 75m^2 trong tổng diện tích 504m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền đất số 174422 cho bà Lê Thị D.

- Ngày 02/02/2008, vợ chồng ông bà đã ký Giấy bán nhà và đất để bán cho ông Nguyễn Kim T6 diện tích 75m^2 đất thuộc trong tổng diện tích 504m^2 đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 174422 với số tiền 80.000.000 đồng. Ngày

09/12/2017, ông Nguyễn Kim T6 và vợ là bà Nguyễn Thị T3 ký Hợp đồng mua bán nhà với vợ chồng ông Hoàng Văn T7 và bà Hồ Thị H1 đối với diện tích đất nêu trên.

- Ngày 23/01/2008, ông bà ký Giấy bán nhà và đất cho vợ chồng ông Lê Khắc D1 và bà Nguyễn Thị Phương D2 để bán diện tích đất 75m^2 trong tổng diện tích 504m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 174422 với số tiền 80.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2010, vợ chồng ông bà ký Giấy bán nhà và đất cho vợ chồng ông Hoàng Văn T7 và bà Hồ Thị H1 để bán diện tích đất 75m^2 trong tổng diện tích 504m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 174422 với số tiền 210.000.000 đồng. Vì việc mua bán thực tế đã diễn ra và bà M tôn trọng ý chí định đoạt của chồng mình nên đề nghị Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Nay bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M có yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bà Đỗ Thị Thúy M và ông Nguyễn Đình L, gồm: Nhà và đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2 tại G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, diện tích 125m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 539861 do Sở T cấp ngày 20/02/2014 đứng tên ông Nguyễn Đình L và diện tích đất 224m^2 thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06 tại Thôn H, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 174422 do UBND huyện H cấp ngày 19/8/2005 đứng tên ông Nguyễn Đình L.

Đồng thời, bà M yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L chết để lại đối với di sản là 1/2 theo quy định pháp luật và những người trong hàng thừa kế của ông Nguyễn Đình L phải thực hiện nghĩa vụ trả những khoản nợ trước khi chết của ông L để lại, bà yêu cầu tòa giải quyết việc chia di sản cho bà M được nhận bằng hiện vật từ khối tài sản chung của vợ chồng, thối trả bằng tiền lại cho những người hướng di sản thừa kế còn lại.

Đối với nhà đất tại phường H, quận C thì bà M thống nhất theo đề nghị của phía nguyên đơn, không yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất mà bà M, ông L đã chuyển nhượng cho 04 hộ dân, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại khoảng 224m^2.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 649, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với bà Đỗ Thị Thúy M về việc *"yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật"*.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M về việc chia tài sản chung.

Tuyên xử:

1. Xác định tài sản chung vợ chồng mà bà Đỗ Thị Thúy M được chia có tổng giá trị là 859.127.500 đồng, gồm:

- ½ giá trị quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 793.271.500 đồng;

- ½ giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có diện tích 224m^2 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng có giá trị 65.856.000 đồng.

2. Không **c**hấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M về việc chia tài sản chung giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có trị giá 11.594.375.000 đồng.

3. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L chết để lại có tổng trị giá là 12.453.502.500 đồng gồm:

- Quyền sử dụng đất và ½ giá trị quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 12.387.646.500 đồng;

- ½ giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có diện tích 224m^2 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng có giá trị 65.856.000 đồng.

4. Hàng thừa kế của ông Nguyễn Đình L gồm: Bà Đỗ Thị Thúy M, chị Nguyễn Thị Thanh T3, chị Nguyễn Thị Phương T4, chị Nguyễn Thị Tố U, chị Nguyễn Thị Thảo M3 và bà Nguyễn Thị Thu T được hưởng với giá trị mỗi kỷ phần là 2.075.583.750đ *(Hai tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).*

5. Việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L bằng hiện vật cho người trong diện được hưởng nói trên cụ thể như sau:

- Giao quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng cho bà Đỗ Thị Thúy M sở hữu, sử dụng.

- Giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 504m² tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng cho bà Nguyễn Thị Thu T quản lý, sử dụng.

Bà Đỗ Thị Thúy M; bà Nguyễn Thị Thu T được quyền liên hệ với các cấp có thẩm quyền để lập thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Nghĩa vụ thối trả do chênh lệch về tài sản được giao nhận sở hữu, sử dụng so với kỷ phần được chia của bà Đỗ Thị Thúy M cho những người trong diện được hưởng tài sản cụ thể như sau:

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy M phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 1.943.871.750 đồng *(một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).*

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy M phải có nghĩa vụ thối trả cho chị Nguyễn Thị Phương T4 số tiền 2.075.583.750 đồng *(Hai tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, phần án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án dân sự của các bên đương sự.

* Ngày 03 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất tại G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng và quyền sử dụng đất 224m^2, tại thửa đất số 105, tờ bản đổ số 6, địa chỉ tổ G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng là di sản của ông Nguyễn Đình L; Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M.

* Ngày 01 tháng 10 năm 2024, Toà án nhân dân quận Thanh Khê nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M có nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà M, xác định: toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất tại G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 13.180.918.000đ và quyền sử dụng đất 224m^2, tại thửa đất số 105, tờ bản đổ số 6, địa chỉ tổ G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 131.712.200đ là tài sản chung của bà M và ông Nguyễn Đình L.

Trong đó, di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L để lại là:

- ½ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại 793 Nguyễn Tất T5 là 6.590.455.000đ; Và ½ quyền sử dụng đất 224m^2, tại thửa đất số 105, tờ bản đổ số 6, địa chỉ tổ G, phường H là 65.856.000đ. Tổng cộng là 6.656.311.000 đồng.

Bà M đề nghị được hưởng 01 suất thừa kế do có công sức tôn tạo, quản lý tài sản và 01 suất thừa kế theo quy định của pháp luật với giá trị là 950.901.571đ x 2 = 1.901.803.142 đồng;

Bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Phương T4, Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Thị Thảo V mỗi người được hưởng 1 suất thừa kế với giá trị là 950.901.571 đồng.

Theo ý chí của các con là Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Tố U và Nguyễn Thị Thảo V nhường kỷ phần thừa kế lại cho bà M, do đó bà M được nhận tổng là 04 kỷ phần thừa kế, tương đương với giá trị là 950.901.571đ x 4 = 3.803.606.284 đồng.

Buộc các đồng thừa kế còn lại của ông L bao gồm: Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Phương T4, Nguyễn Thị Thảo V phải hoàn trả cho bà M số tiền bà đã thực hiện các nghĩa vụ tài sản do ông L để lại, cụ thể: Nguyễn thị Thu T, Nguyễn Thị Phương T4 mỗi người phải trả số tiền 80.816.624đ. Riêng các con Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Tố U, Nguyễn Thị Thảo V đã giao kỷ phần thừa kế cho bà M nên bà M không yêu cầu thối trả.

* Ngày 02 tháng 10 năm 2024, Toà án nhân dân quận Thanh Khê nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh T3, có nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng cho bà được nhận thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất có diện tích 224m^2, tại H, quận C và bà T3 đồng ý giao phần đất được thừa kế cho mẹ là bà Thúy M được sở hữu, quản lý, sử dụng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T3 vẫn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn

Thị Thu T, bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T3; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về thời hạn, nội dung kháng cáo. Trong các ngày 01/10/2024, 02/10/2024 và 03/10/2024 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T3 và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, trong đó, bà Nguyễn Thị Thu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà M và chị T3 kháng cáo một phần đối với Bản án sơ thẩm số: 106/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê. Các đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đảm bảo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 283 và 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Đình M1 và bà Lê Thị Diễm L1 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với ông M1 và bà D3.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T3:

[2.1] Về kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và kháng cáo của bà Đỗ Thị Thúy M đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N:

Theo trình bày của các bên đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó Bản án phúc thẩm số: 119/2020/DS-PT ngày 18.6.2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xác định: "Nguồn gốc thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ 793 đường N thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Đình L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 337681 ngày 30.11.2005 do Ủy ban nhân dân quận T cấp là có căn cứ và đúng pháp luật. Khi còn sống, bà C đã lập di chúc được công chứng tại Phòng C2, thành phố Đà Nẵng có nội dung để lại ½ nhà, đất cho ông L nên sau khi bà C chết, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T chỉnh lý biến động sang tên cho ông L và ngày 20/2/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR 539861 cho ông Nguyễn Đình L là đúng quy định của pháp luật". Như vậy, Bản án phúc thẩm đã xác định lô đất diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Đình L. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, do đó đây là tình tiết không phải

chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N là di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L chết để lại cho các đồng thừa kế, chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị Thúy M đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với quyền sử dụng thửa đất nói trên là có cơ sở.

Đối với quyền sở hữu tài sản trên đất là ngôi nhà trên đất, tại Bản án phúc thẩm cũng đã xác định tại thời điểm xây dựng nhà, bà Đỗ Thị Thúy M và ông Nguyễn Đình L đã ký kết các Hợp đồng tín dụng vay tiền để xây nhà. Mặc dù các Hợp đồng tín dụng đứng tên ông L nhưng tại các giấy nộp tiền trả nợ cho Ngân hàng có ghi nhận việc bà M trả nợ, điều này chứng minh bà M đã đóng góp vào việc xây dựng, mua sắm trang thiết bị trong nhà. Nội dung trình bày của bà M xác định ngôi nhà trên đất tại địa chỉ G đường N thuộc quyền sở hữu chung của bà M và ông L là có cơ sở. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận phản tố của bà M, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xác định giá trị ngôi nhà thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chung của ông L và bà M, mỗi người được sở hữu ½ giá trị ngôi nhà là có căn cứ.

Do đó, HĐXX phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T xác định toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại 793 N là di sản thừa kế của ông L; Đồng thời cũng không có cơ sở xác định toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại 793 Nguyễn Tất T5 là tài sản chung của ông L và bà M như kháng cáo của bà M.

[2.2] Đối với quyền sử dụng đất tại 224m^2, tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đình L nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân với bà Đỗ Thị Thúy M. Sau khi nhận chuyển nhượng từ năm 2008 đến năm 2010, ông L cùng bà M đã nhiều lần cắt chuyển nhượng cho các hộ dân với tổng diện tích khoảng 300m^2 thể hiện tại các giấy mua bán viết tay. Do đó, có cơ sở xác định khi còn sống ông L xác định thửa đất này thuộc quyền sử dụng chung của vợ chồng. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất này thuộc tài sản chung của vợ ông L và bà M, chấp nhập yêu cầu phản tố của bà M về việc công nhận tài sản chung vợ chồng, không chấp nhận là tài sản riêng của ông L theo yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

[3] Di sản của ông Nguyễn Đình L để lại có giá trị theo Chứng thư thẩm định của Công ty TNHH T8, gồm:

- Giá trị quyền sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m², địa chỉ G N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng và ½ giá trị ngôi nhà trên thửa là: (11.594.375.000đ + 793.271.500đ) = 12.387.646.500 đồng; Và

- ½ giá trị quyền sử dụng 224m^2 đất, tại thửa đất số 105, tờ bản đổ số 6, địa chỉ tổ G, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng tại H, quận C là 65.856.000 đồng.

Tổng cộng là: **12.453.502.500 đồng** (Mười hai tỉ bốn trăm năm mươi ba triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng).

[4] Xét, về công sức tôn tạo, quản lý di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L. Bà Đỗ Thị Thúy M kết hôn với ông L từ năm 2000, có 04 con chung và sinh sống với ông L đến khi ông L chết vào năm 2016. Quá trình chung sống ông L nhiều lần dùng tài sản nay là di sản thừa kế để vay tiền mua đất, xây nhà chi tiêu những việc cấp thiết trong gia đình, quá trình thực hiện hợp đồng vay bà M cùng ông L tham gia trả các khoản nợ vay. Năm 2014 ông L cùng bà M trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với mục đích vay vốn để trả khoản nợ mua nhà đất trước đó, sau khi ông L chết từ năm 2016 đến năm 2017 bà M phải tiếp tục trả cho khoản nợ tín dụng này hơn 700.000.000 đồng để tất toán giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà tại G N, là di sản thừa kế các đương sự yêu cầu chia. Ngoài ra, bà M còn cung cấp các giấy trả các khoản nợ do ông L để lại sau khi chết với số tiền hơn 300.000.000 đồng và cải tại sửa chữa để làm phòng thờ cho gia đình và ông L cũng như chống thấm dột ngôi nhà 793 Nguyễn Tất T5 có xác nhận của chủ thầu với số tiền là 380.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T từ năm 2006 đã kết hôn với người nước ngoài và sinh sống ở nước ngoài. Như vậy, bà Đỗ Thị Thúy M có công sức tôn tạo, quản lý di sản để có được giá trị như hiện nay, do đó cần chấp nhận yêu cầu tính công sức tôn tạo, quản lý di sản cho bà M. Tuy nhiên, yêu cầu tính công sức tôn tạo, quản lý di sản là 01 kỷ phần thừa kế như kháng cáo của bà M là không phù hợp. HĐXX tính công sức tôn tạo, quản lý di sản thừa kế của bà M được hưởng với tỉ lệ 10% giá trị di sản do ông L để lại, tương đương với số tiền là: 12.453.502.500 đồng x 10% = 1.245.350.250 đồng**.**

Như vậy, giá trị di sản của ông Nguyễn Đình L để lại thừa kế còn lại sau khi trừ đi phần công sức tôn tạo, quản lý di sản bà Đỗ Thị Thúy M được hưởng là: 12.453.502.500 đồng **-** 1.245.350.250 đồng = **11.208.152.250 đồng** (Mười một tỉ hai trăm lẻ tám triệu một trăm năm mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng).

[5] Về hàng thừa kế ông Nguyễn Đình L gồm có vợ bà Đỗ Thị Thúy M, và có 04 người con chung gồm: chị Nguyễn Thị Thanh T3, chị Nguyễn Thị Phương T4, chị Nguyễn Thị Tố U và chị Nguyễn Thị Thảo V. Ngoài ra, ông L có 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị Thu T. Tổng cộng là 06 người được hưởng thừa kế di sản của ông L. Ông L chết không để lại di chúc, do đó, giá trị di sản của ông L được chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế với giá trị mỗi kỷ phần bằng nhau là: 11.208.152.250 đồng/6 **=1.868.025.375 đồng** (Một tỉ tám trăm sáu mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

[6] Về chia kỷ phần thừa kế theo hiện vật: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M có nguyện vọng nhận 02 khối tài sản là di sản, gồm: quyền sử dụng thửa đất và nhà trên đất địa chỉ G N, phường X, quận T và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 6, địa chỉ tổ G, phường H, đồng thời có trách nhiệm thối trả kỷ phần thừa kế cho những người trong diện thừa kế. Bản án sơ thẩm giao toàn bộ nhà đất tại G đường N, phường X cho bà M và sở hữu, sử dụng. Giao lô đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 6 tại tổ G, phường H cho bà Nguyễn Thị Thu T

quản lý, sử dụng. Bà T không kháng cáo về việc giao hiện vật như trên, riêng bà Đỗ Thị Thúy M và chị Nguyễn Thị Thanh T3 kháng cáo đề nghị giao cho bà M được nhận cả hai hiện vật như yêu cầu phản tố.

Xét thấy, quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 6 tại tổ G, phường H có mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa. Theo tài liệu, chứng cứ do bà Đỗ Thị Thúy M cung cấp, xác nhận của các hộ dân và tổ trưởng tổ dân phố số C, phường X và UBND phường, Công an phường X, quận T và Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng cung cấp, thì từ ngày 15/3/2006 bà Nguyễn Thị Thu Thanh T đã đăng ký kết hôn với ông TSAI CHIH YUAN, Quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), đã theo chồng sang Đài Loan sinh sống ổn định, nơi cư trú: số B, ngõ B, hẽm A đường T, khu H, Tp T, Đài Loan, qua rà soát hiện nay Sở Tư pháp Tp Đà Nẵng không tìm thấy thông tin quốc tịch của bà T để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, Bản án sơ thẩm giao diện tích đất trồng lúa tại tổ G, phường H cho bà T đã có chồng người nước ngoài, sinh sống ổn định tại nước ngoài, quản lý, sử dụng là không phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà M và chị T3 về việc giao cho bà M cả phần diện tích đất lúa này để quản lý, sử dụng là có cơ sở.

[7] Về nghĩa vụ thối trả: Bà Đỗ Thị Thúy M được nhận cả nhà đất tại G N và quyền sử dụng đất lúa tại tổ G, phường H, quận C nên có nghĩa vụ thối trả lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Thu T và chị Nguyễn Thị Phương T4 mỗi người số tiền là 1.868.025.375 đồng.

Bà Đỗ Thị Thúy M được chị Nguyễn Thị Thanh T3, chị Nguyễn Thị Tố U và chị Nguyễn Thị Thảo V tặng cho kỷ phần thừa kế của mình, do đó bà M được hưởng tổng cộng 04 kỷ phần thừa kế là 1.868.025.375 đồng x 4 = 7.472.101.500 đồng. Phần công sức quản lý, tôn tạo di sản bà M được hưởng là 1.245.350.250 đồng.

Như vậy, giá trị thừa kế bà M được hưởng là là: (7.472.101.500 đồng + 1.245.350.250 đồng) = 8.717.451.750 đồng.

Phần tài sản chung của bà M và ông L mà bà M được chia là 859.127.500 đồng.

[8] Từ những phân tích nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị Thúy M, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh T3, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T; Sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng như HĐXX đã phân tích nhận định trên.

[9] Về ý kiến của đại diện VKSND Tp Đà Nẵng tại phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T, bà Đỗ Thị Thúy M và của chị Nguyễn Thị Thanh T3. Xét ý kiến của đại diện VKS đối với kháng cáo của bà Nguyễn thị Thu T là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận; Đối với kháng cáo của bà M và chị T3 được HĐXX chấp nhận như nêu trên nên ý kiến của đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng không được HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự:

[10.1] Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Thị Thúy M, chị Nguyễn Thị Phương T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia trong khối di sản thừa kế, được hưởng trong khối tài sản chung theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị di sản thừa kế được chia là 68.040.761 đồng.

- Bà Đỗ Thị Thúy M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị di sản thừa kế được chia là 116.717.452 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia là 37.773.825 đồng. Tổng cộng là 154.491.277 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Phương T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị di sản thừa kế được chia là 68.040.761 đồng.

[10.2] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng do kháng cáo được chấp nhận. Bà Đỗ Thị Thúy M và chị Nguyễn Thị Thanh T3 không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T3 và một phần kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: **106**/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 649, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 33,34 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với bà Đỗ Thị Thúy M về việc *"Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật"*.

Chấp nhận một phần một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M về việc chia tài sản chung.

Tuyên xử:

I. Xác định tài sản chung vợ chồng mà bà Đỗ Thị Thúy M được chia có tổng giá trị là 859.127.500 đồng, gồm:

- ½ giá trị quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 793.271.500 đồng;

- ½ giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có diện tích 224m^2 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng có giá trị 65.856.000 đồng.

II. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy M về việc chia tài sản chung giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có trị giá 11.594.375.000 đồng

III. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L chết, gồm:

- Quyền sử dụng đất và ½ giá trị quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 12.387.646.500 đồng;

- ½ giá trị Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất có diện tích 224m^2 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng có giá trị 65.856.000 đồng.

Tổng trị giá là 12.453.502.500 đồng, trừ đi phần công sức quản lý, tôn tạo di sản bà Đỗ Thị Thúy M được hưởng là 1.245.350.250đ, di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L còn lại là: **11.208.152.250 đồng.**

IV. Hàng thừa kế của ông Nguyễn Đình L gồm: Bà Nguyễn Thị Thị Thu T, bà Đỗ Thị Thúy M, chị Nguyễn Thị Thanh T3, chị Nguyễn Thị Phương T4, chị Nguyễn Thị Tố U và chị Nguyễn Thị Thảo V và được hưởng với giá trị mỗi kỷ phần là **1.868.025.375 đồng**.

V. Việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình L bằng hiện vật cho người trong diện được hưởng nói trên cụ thể như sau:

Giao cho bà Đỗ Thị Thúy M sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số B4-2, diện tích 125m² tại địa chỉ G đường N, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 06, diện tích 224m^2 tại địa chỉ thôn H, xã H, huyện H (nay là tổ G, phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng.

Bà Đỗ Thị Thúy M được quyền liên hệ với các cấp có thẩm quyền để lập thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

VI. Nghĩa vụ thối trả do chênh lệch về tài sản được giao nhận sở hữu, sử dụng so với kỷ phần được chia của bà Đỗ Thị Thúy M cho những người trong diện được hưởng tài sản cụ thể như sau:

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy M phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền **1.868.025.375 đồng.**

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy M phải có nghĩa vụ thối trả cho chị Nguyễn Thị Phương T4 số tiền **1.868.025.375 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

VII. Án phí dân sự

1. Án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.040.761 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 36.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008504 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T còn phải nộp số tiền 32.040.761 đồng.

- Bà Đỗ Thị Thúy M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 154.491.277 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 56.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008654 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Đỗ Thị Thúy M còn phải nộp số tiền 98.491.277 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Phương T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68.040.761 đồng.

2. Án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005885 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Đỗ Thị Thúy M và chị Nguyễn Thị Thanh T3 không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí số 0005899 và Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005898 cùng ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng..

VII. Chi phí định giá tài sản theo giá thị trường:

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy M có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 37.400.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Phương T4 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 9.350.000 đồng.

VIII. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

IX. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi Cục THADS quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn H2